

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 19-6-2020

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/5/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thuỳ L, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số nhà 509, ấp VT, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Lê Chí D, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Số nhà 225, ấp VB, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà L trình bày: Hôn nhân của bà và ông D xác lập trên cơ sở mai mối, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào ngày 23/01/2008. Quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D ghen tuông thường kiểm chuyện đánh bà, chửi mắng bà và cha mẹ bà, không tôn trọng gia đình vợ. Năm 2015 cả hai không còn sống chung với nhau cho

đến nay. Thời gian không còn chung sống ông D không có thăm hỏi hoặc gặp bà hay gia đình bà để tỏ thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay xin ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 22/01/2009 hiện đang sống chung với cha. Nay ly hôn, đồng ý giao con chung cho ông D nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng thì đồng ý cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là ông Lê Chí D không có văn bản hoặc ý kiến trình bày đối với yêu cầu của bà L. Không tham gia các buổi hoà giải, phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ.

Toà án không thể ghi nhận nguyện vọng của cháu Nh muốn sống với cha hay mẹ khi cha, mẹ ly hôn do cháu và ông D hiện không có tại địa phương mà đi làm thuê tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa:

Bà L có đơn xin vắng mặt, bảo lưu ý kiến của mình như đã trình bày, không đồng ý đoàn tụ.

Ông D vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, quá trình hòa giải, xác minh, thu thập chứng cứ... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân giữa bà L và ông D có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài, thời gian không chung sống đã lâu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Ông D được tiếp tục nuôi dạy cháu Lê Thị Yến Nh, bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Bà L phải chịu án phí về hôn nhân gia đình và án phí về cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn, quyền nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con với ông D, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông D vắng mặt không có lý do mặc dù đã triệu tập hợp lệ, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà L và ông D xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp được công nhận theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà L xin ly hôn với ông D thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên thường hay phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường phát sinh cãi vã và cả hai đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, thời gian không chung sống giữa hai bên không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình. Ông D đã được tổng đạt các thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo hoà giải nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của bà L, không tham gia hòa giải để tìm biện pháp hàn gắn lại tình cảm gia đình.

Lời trình bày của bà L về nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống còn được xác nhận bởi lời khai của ông Lê Văn Yết, theo đó khi cả hai người lên Thành phố Hồ Chí Minh làm thuê thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, sau đó đã không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay.

Tại phiên hoà giải bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông D, không đồng ý đoàn tụ vì vậy có đủ cơ sở xác định mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà L là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung, cấp dưỡng: Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của cháu Lê Thị Yến Nh do cháu và cha là ông D không có mặt tại địa phương, tuy nhiên bà L cũng đồng ý giao cháu Nh cho ông D tiếp tục nuôi dạy. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, để tránh việc thay đổi môi trường sống có thể ảnh hưởng cho sự phát triển ổn định về tâm, sinh lý của con, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục giao cháu Nh cho ông D tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông D về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bà L, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án bà L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật. Xét thấy đây là sự tự nguyện của bà L và phù hợp với Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình và để đảm bảo cho quyền lợi của con chung được đảm bảo, Hội đồng xét xử quyết định buộc bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nh mỗi tháng là 745.000 đồng kể từ ngày tuyên án đến khi cháu thành niên.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng...được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà L không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp bà và ông D có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung phát sinh trong thời kỳ hôn nhân thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị Thuỳ L được ly hôn với ông Lê Chí D.

- Về con chung: Ông D được tiếp tục nuôi dạy cháu Lê Thị Yến Nh, sinh ngày 22/01/2009, hiện đang sống chung với ông.

Bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 745.000 đồng. Thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ kể từ ngày tuyên án đến khi con thành niên.

Ông D và người thân thích trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011747 ngày 05/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26 do của Ủy ban nhân dân xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 23/01/2008 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi gửi:**

- TAND tỉnh AG;
- VKSND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THADS H. AP;
- UBND xã VH, AP, AG;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo